TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025 /DS- ST
Ngày: 27-5-2025
Về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI TỈNH QUẢNG NGÃI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thanh Bình
Các Hội thẩm:
1. Ông Hoàng Minh Tân
2. Ông Nguyễn Đình Dũng

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Bùi Thị Thư

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Thùy Dương- Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 273/2024/TLST-DS, ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2025/QĐXXST - DS ngày 25/4/2025, Quyết định hoãn phiên toà số 98/2025/ QĐST ngày 13/5/2025 của Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: **Bà Lê Thị Kim P,** sinh năm 1974
Địa chỉ: Thôn A, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

2. Bị đơn: **Ông Nguyễn Văn K**, sinh năm 1939
Địa chỉ: Thôn A, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
+ Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1939
+ Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1978
+ Anh Nguyễn Xuân C1, sinh năm 1980
Đều ở địa chỉ: Thôn A, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;
+ Chị Nguyễn Thị Hồng C2, sinh năm 1982
Địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

Bà P có mặt tại phiên tòa; ông Nguyễn Văn K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Xuân C, ông Nguyễn Xuân C1, chị Nguyễn Thị Hồng C2 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên toà nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 04/10/2019, ông Nguyễn Văn K và bà Phạm Thị D có viết giấy vay của bà số tiền là 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng). Giấy vay tiền không ghi thời hạn vay, trả nợ, nhưng ông K và bà D có thoả thuận bằng lời nói với bà là chỉ vay trong thời gian ngắn để gửi cho con trai mua đất làm ăn kinh doanh và hứa ra giêng sẽ trả toàn bộ tiền gốc cho bà, hai bên có thoả thuận trả lãi theo mức lãi suất 20%/năm, nhưng đến hẹn thì ông K và bà D lại nói là do con trai ông bà chưa bán được đất nên chưa có tiền gửi về để trả nợ cho bà, mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu bà D và ông K trả nợ gốc và lãi nhưng ông K và bà D chưa trả.

Đến ngày 09/01/2022 (nhằm ngày 7/12 năm T) bà Phạm Thị D đã chết. Những người thừa kế của bà Phạm Thị D là ông Nguyễn Văn K và các con của bà Phạm Thị D là anh Nguyễn Xuân C, anh Nguyễn Xuân C1 và chị Nguyễn Thị Hồng C2.

Vào ngày 25/9/2023, bà Lê Thị Kim P có gửi Thông báo đòi nợ cho ông Nguyễn Văn K, yêu cầu ông K và các con của ông K và bà D trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày 25/9/2023 phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 50.000.000đồng và tiền lãi của số tiền nợ gốc theo mức lãi suất 1,6%/ tháng, tính từ ngày 04/10/2019 đến ngày 24/9/2023, nhưng ông K và các con không trả nợ cho bà.

Tại đơn khởi kiện, bà Lê Thị Kim P yêu cầu:

Từ ngày 04/10/2019 đến ngày 10/7/2024 tổng cộng 57 tháng, với lãi suất 1.6%/tháng, tức mỗi tháng vợ chồng ông K, bà D phải trả cho bà số tiền là: 50.000.000đ x 1.6%/tháng = 800.000đ/tháng x 57 tháng =45.600.000đồng tiền lãi, nhưng ông K và bà D chưa trả tiền lãi cho bà, vì vậy tổng số tiền gốc và lãi ông Nguyễn Văn K và bà Phạm Thị D còn nợ của bà P là: nợ gốc 50.000.000đ + nợ lãi 45.600.000đ = 95.600.000đồng.

Bà P yêu cầu ông Nguyễn Văn K và những người thừa kế của bà Phạm Thị D là ông Nguyễn Văn K và các con của bà Phạm Thị D là anh Nguyễn Xuân C, anh Nguyễn Xuân C1 và chị Nguyễn Thị Hồng C2 phải trả cho bà tiền nợ gốc và lãi, cụ thể:

- Yêu cầu ông Nguyễn Văn K phải trả cho bà Lê Thị Kim P ½ số tiền nợ gốc là 50.000.000đồng: 2 = 25.000.000đồng và ½ số tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 10/7/2024 là 45.600.000đồng : 2 = 22.800.000đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày trả xong nợ.

- Yêu cầu ông Nguyễn Văn K và anh Nguyễn Xuân C, anh Nguyễn Xuân C1 và chị Nguyễn Thị Hồng C2 phải liên đới trả cho bà Lê Thị Kim P

½ số tiền nợ gốc là 50.000.000đồng: 2 = 25.000.000đồng và ½ số tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 10/7/2024 là 45.600.000đồng : 2 = 22.800.000đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày trả xong nợ.

Tại phiên toà, bà Lê Thị Kim P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ gốc 50.000.000đồng; bà P thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi của số tiền nợ gốc 50.000.000đồng, nay bà P chấp nhận cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiền lãi của số tiền nợ gốc tính từ ngày 04/10/2019 đến ngày 05/10/2023, bà chỉ yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả cho bà tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo mức 150% lãi suất 1,6%/ tháng, tính kể từ sau khi bà có thông báo đòi nợ cho đến ngày xét xử.

2. Tại Bản tự khai ngày 25/02/2025, bị đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:

Ông chấp nhận có nghĩa vụ cùng các con trả nợ số tiền nợ gốc cho bà Lê Thị Kim P là năm mươi triệu đồng, ông yêu cầu bà P cho xin tiền lãi, vì ông tuổi cao sức yếu.

3. Tại Bản tự khai ngày 25/02/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Xuân C1 trình bày: Việc mẹ của anh là bà Phạm Thị D và cha của anh là ông Nguyễn Văn K viết giấy vay tiền của bà Lê Thị Kim P thì anh không biết, đến khi bà D chết thì bà P đem giấy tới đòi nợ nên gia đình anh mới biết mới biết ông K và bà D nợ bà P số tiền nợ gốc là 50.000.000đồng. Nay bà P khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc 50.000.000đ và nợ lãi 45.600.000đ thì anh có ý kiến anh sẽ có nghĩa vụ cùng với ông K, anh C, chị C2 trả số nợ gốc 50.000.000đồng cho bà P. Còn tiền lãi anh yêu cầu bà P cho tiền lãi để tạo điều kiện cho gia đình anh trả nợ gốc.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Xuân C, chị nguyễn Thị Hồng C2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên toà; không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

5. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

5.1 *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành chưa đúng quy định tại Điều 70, 72,73 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

5.2 *Về giải quyết nội dung vụ án*: Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim

P, buộc ông Nguyễn Văn K phải trả cho bà Lê Thị Kim P số tiền nợ gốc là 25.000.000đồng, nợ lãi là 11.780.000đồng; buộc ông Nguyễn Văn K và anh Nguyễn Xuân C, anh Nguyễn Xuân C1 và chị Nguyễn Thị Hồng C2 phải liên đới trả cho bà Lê Thị Kim P số tiền nợ gốc là 25.000.000đồng, nợ lãi là 11.780.000đồng (mỗi người phải trả 9.195.000đồng), trong phạm vi di sản do bà Phạm Thị D để lại. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa ngày 13/5/2025, bị đơn ông Nguyễn Văn K vắng mặt tại phiên toà, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Xuân C, anh Nguyễn Xuân C1 và chị Nguyễn Thị Hồng C2 vắng mặt tại phiên toà, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 27/5/2025, bị đơn ông Nguyễn Văn K vắng mặt tại phiên toà, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Xuân C, anh Nguyễn Xuân C1 và chị Nguyễn Thị Hồng C2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên toà, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.2] Về xác định quan hệ pháp luật: Theo Thông báo về việc thụ lý vụ án số 273/2024/TLST-DS ngày 11/10/2024 và Thông báo về việc thụ lý yêu cầu khởi kiện sửa đổi, bổ sung số 357/TB-DS ngày 04/11/2024, Toà án đã xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", tuy nhiên, yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim P có yêu cầu những người thừa kế của bà Phạm Thị D thực hiện nghĩa vụ trả nợ do bà Phạm Thị D để lại, do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại".

[1.3] Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Anh Nguyễn Xuân C, chị Nguyễn Thị Hồng C2 đã được Toà án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Toà án nhưng trong thời hạn luật định không có văn bản trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Toà án tham gia tố tụng. Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim P:

[2.2.1] Theo "Giấy ghi nợ" thì bà Lê Thị Kim P có cho ông Nguyễn Văn K và bà Phạm Thị D vay số tiền 50.000.000đồng. "Giấy ghi nợ" thể hiện ngày tháng không thể hiện năm viết "giấy ghi nợ", có tên người vay và ký tên là Nguyễn Văn K và Phạm Thị D;

Tại Bản tự khai ngày 25/02/2025, bị đơn ông Nguyễn Văn K trình bày: Ông chấp nhận có nghĩa vụ cùng các con trả nợ số tiền nợ gốc cho bà Lê Thị Kim P là năm mươi triệu đồng;

Tại Bản tự khai ngày 25/02/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Xuân C1 trình bày: Việc mẹ của anh là bà Phạm Thị D và cha của anh là ông Nguyễn Văn K viết giấy vay tiền của bà Lê Thị Kim P thì anh không biết, đến khi bà D chết thì bà P đem giấy tới đòi nợ nên gia đình anh mới biết ông K và bà D nợ bà P số tiền nợ gốc là 50.000.000đồng. Nay bà P khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc 50.000.000đồng và nợ lãi 45.600.000đồng thì anh có ý kiến anh sẽ có nghĩa vụ cùng với ông K, anh C, chị C2 trả số nợ gốc 50.000.000đồng cho bà P;

Anh Nguyễn Xuân C, chị Nguyễn Thị Hồng C2 đã được Toà án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Toà án nhưng trong thời hạn luật định không có văn bản trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định ông Nguyễn Văn K và bà Phạm Thị D có vay của bà Lê Thị Kim P số tiền 50.000.000đồng, hiện chưa trả nợ, vì vậy, nay bà P yêu cầu trả nợ thì ông Nguyễn Văn K phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ được phân chia theo phần, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 290, Điều 466 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim P, buộc ông Nguyễn Văn K phải trả cho bà Lê Thị Kim P ½ số tiền nợ gốc là 50.000.000đồng : 2 = 25.000.000đồng; Phần nghĩa vụ trả nợ của bà D đối với số tiền nợ gốc của bà P là 25.000.000đồng.

[2.2.2] Theo Biên bản xác minh ngày 12/3/2025, Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cung cấp thông tin:

- Hộ ông Nguyễn Văn K và bà Phạm Thị D được cấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 631, tờ bản đồ số 16, xã T do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Q cấp ngày 23/9/2020, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 093754, số vào sổ CS 04901, hiện chưa kê khai chia thừa kế.

- Hàng thừa kế thứ nhất của bà Phạm Thị D gồm có: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1939 (chồng) và các con là anh Nguyễn Xuân C (sinh năm 1978), anh Nguyễn Xuân C1 (sinh năm 1980), chị Nguyễn Thị Hồng C2 (sinh năm 1982), ngoài ra không còn ai khác thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Phạm Thị D, cha và mẹ đẻ của bà Phạm Thị D đã chết trước bà D.

[2.2.3] Bà Lê Thị Kim P trình bày, bà Phạm Thị D đã chết năm 2022, anh C1 (con trai của bà D) thừa nhận bà D đã chết; phần nghĩa vụ trả nợ của bà D đối với số tiền nợ gốc của bà P là 25.000.000đồng; hàng thừa kế thứ nhất

của bà Phạm Thị D gồm có: Ông Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Xuân C, anh Nguyễn Xuân C1 và chị Nguyễn Thị Hồng C2; Theo quy định tại Điều 615 của Bộ luật Dân sự thì những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thoả thuận khác. Như vậy ông K, bà D có tài sản, bà D chết nên phần tài sản của bà D trở thành di sản, không có thoả thuận khác. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 288, Điều 615 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim P, buộc ông Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Xuân C, anh Nguyễn Xuân C1 và chị Nguyễn Thị Hồng C2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P số tiền nợ gốc là 25.000.000đồng (mỗi người trả 6.250.000đồng) trong phạm vi di sản do bà Phạm Thị D để lại.

[2.2.4] Về lãi suất, "Giấy ghi nợ" đã ghi "Tiền lãi 20/100 một tháng", bà P trình bày các bên thoả thuận lãi suất 20%/ năm, trong thời gian vay tiền ông K và bà D chưa trả tiền lãi cho bà P, tại đơn khởi kiện bà P yêu cầu bị đơn ông K và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả tiền lãi theo mức lãi suất là 1,6%/ tháng, tương đương 19,2%/năm, yêu cầu này của bà P đã được thể hiện tại Thông báo về việc thụ lý vụ án và đã được tống đạt hợp lệ cho các đương sự, nhưng bị đơn ông K và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có tranh chấp về lãi suất với bà P mà chỉ yêu cầu bà P cho xin tiền lãi, các bên không có thoả thuận khác, vì vậy có cơ sở xác định lãi suất vay mà các bên có thoả thuận là 19,2%/năm, không vượt quá lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[2.2.5] Tại phiên toà, bà P thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, bà không yêu cầu ông K, anh C, anh C1 và chị C2 phải trả tiền lãi của số tiền nợ gốc 50.000.000đồng trong thời gian từ ngày 04/10/2019 đến ngày 05/10/2023; ông K, anh C, anh C1 và chị C2 vắng mặt tại phiên toà nên không có ý kiến trình bày về việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi của bà P, tại Bản tự khai, ông K và anh C1 đều trình bày yêu cầu bà P cho xin tiền lãi, do đó việc bà P không yêu cầu ông K, anh C, anh C1 và chị C2 phải trả tiền lãi của số tiền nợ gốc 50.000.000đồng trong thời gian từ ngày 04/10/2019 đến ngày 05/10/2023 là phù hợp nguyện vọng của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đảm bảo quyền tự định đoạt của đương sự, việc thay đổi yêu cầu về tiền lãi của bà P không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, vì vậy căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu về tiền lãi của bà P, không xem xét đối với tiền lãi của số tiền nợ gốc 50.000.000đồng trong thời gian từ ngày 04/10/2019 đến ngày 05/10/2023.

[2.2.6] Đối với yêu cầu của bà P về việc yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả cho bà P tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo mức 150% lãi suất 1,6%/ tháng, tính kể từ sau khi bà có thông báo đòi nợ cho đến ngày xét xử:

Tại điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định: "Đối

với hợp đồng vay không kỳ hạn thì thời gian chậm trả nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết "thời gian hợp lý" đến thời điểm xét xử sơ thẩm. "Thời gian hợp lý" quy định tại Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 do Tòa án căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để xem xét, quyết định nhưng không quá 03 tháng kể từ ngày thông báo";

Vào ngày 25/9/2023, bà Lê Thị Kim P có gửi Thông báo đòi nợ cho người nhận là ông Nguyễn Văn K, vận đơn số hiệu EB571486434VN. Bà Lê Thị Kim P không còn lưu giữ và không giao nộp được Thôngđòi nợ ngày 25/9/2023, bà P trình bày tại Thôngđòi nợ ngày 25/9/2023 bà yêu cầu ông K và những người thừa kế của bà D phải trả nợ gốc và lãi cho bà trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo đòi nợ; Bà P không có chứng cứ chứng minh ngày ông K và những người thừa kế của bà D nhận được thông báo đòi nợ của bà P gửi ngày 25/9/2023. Tuy nhiên, theo bà P trình bày là sau khi bà D chết ngày 09/01/2022,thì bà P đến đòi nợ, sự việc này đã được anh C1 thừa nhận, như vậy có căn cứ xác định bà P đã đến đòi nợ, nhưng ông K và những người thừa kế của bà D chưa trả nợ cho bà P. Vì vậy, khoản nợ gốc của ông K, bà D được tính lãi chậm trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng ThẩmTòa án nhân dân Tối thì thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc chưa trả bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày phải trả lãi trên nợ gốc đến thời điểm xét xử sơ thẩm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, ông K, bà P và những người thừa kế của bà D không có thoả thuận khác, do đó xác định thời gian chậm trả được tính từ ngày 06/10/2023 (10 ngày sau ngày bà P thông báo đòi nợ 25/9/2023) đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 27/5/2025, cụ thể: Số tiền nợ gốc 50.000.000đồng x 1,6%/ tháng x 150% x 19 tháng 19 ngày (từ ngày 06/10/2023 đến ngày 27/ 5/2025) = 23.560.000đồng.

Ông Nguyễn Văn K phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Kim P tiền lãi được phân chia theo phần là ½ số tiền nợ lãi 23.560.000đồng : 2 = 11.780.000đồng.

Ông Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Xuân C, anh Nguyễn Xuân C1 và chị Nguyễn Thị Hồng C2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P số tiền nợ lãi là 11.780.000đồng (mỗi người trả 2.945.000đồng) trong phạm vi di sản do bà Phạm Thị D để lại.

[2.3] Từ những phân tích từ mục [2.2.1] đến mục [2.2.6], Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Căn cứ Điều 290, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc bị đơn ông Nguyễn Văn K phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Kim P số tiền tổng cộng 36.780.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 25.000.000đồng và tiền lãi là 11.780.000đồng);

Căn cứ Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 615 của Bộ luật Dânnăm 2015 buộc ông Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Xuân C, anh Nguyễn Xuân C1 và chị Nguyễn Thị Hồng C2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Kim P số tiền nợ gốc là 25.000.000đồng (mỗi người trả 6.250.000đồng) và số tiền nợ lãi là 11.780.000đồng (mỗi người trả 2.945.000đồng), tổng cộng mỗi người phải trả gốc và lãi là 9.195.000đồng, trong phạm vi di sản do bà Phạm Thị D để lại.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi về việc giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông K có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền mà ông K, anh C, anh C1 và chị C2 phải liên đới trả cho bà P, cụ thể: (36.780.000 đồng x 5%) = 1.839.000đồng : 4 người= 459.750đồng/người, ông K đã có đơn đề nghị miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm, anh C, anh C1, chị C2 không được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm nên anh C, anh C1, chị C2 mỗi người phải nộp 459.750đồng.

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hoàn trả số tiền 2.390.000đồng nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 288, Điều 290, Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 469, Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim P về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại";

2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn K phải trả cho bà Lê Thị Kim P số tiền 36.780.000đồng *(Ba mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng)*;

3. Buộc ông Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Xuân C, anh Nguyễn Xuân C1 và chị Nguyễn Thị Hồng C2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Kim P số tiền 36.780.000đồng *(Ba mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng)*, cụ thể ông Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Xuân C, anh Nguyễn Xuân C1 và chị Nguyễn Thị Hồng C2 mỗi người phải trả 9.195.000đồng *(Chín triệu một trăm chín mươi lăm ngàn đồng)* trong phạm vi di sản do bà Phạm Thị D để lại;

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án

xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Xuân C, anh Nguyễn Xuân C1, chị Nguyễn Thị Hồng C2 mỗi người phải nộp 459.750đồng.

- Bà Lê Thị Kim P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Lê Thị Kim P số tiền 2.390.000đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003605 ngày 04/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Trần Thị Thanh Bình